

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1111/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2024
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Liên.
- Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Như Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1374/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984.

Thường trú: 840 L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Phạm Minh T1, sinh năm 1983.

Thường trú: 1839 ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi ở hiện nay: A Tổ F, ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Bà Nguyễn Thanh T và ông Phạm Minh T1 tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 9 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại A Tổ F, ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống giữa hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xô xát, không quan tâm, chăm sóc nhau. Bà và ông T1 đã sống ly thân 03 năm.

Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể hàn gắn, không thể đem lại hạnh phúc cho nhau, bản thân bà T không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với ông T1. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Minh T1 để bà sớm ổn định lại cuộc sống.

- Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Anh K, sinh ngày 08/5/2008 và Phạm Anh K1, sinh ngày 10/01/2013. Hai con chung hiện nay đang ở tại địa chỉ H L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cùng bà và do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi trẻ K, trẻ K1 trưởng thành tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T tự nguyện chịu.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Phạm Minh T1 đã được Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn triệu tập hợp lệ đến Tòa án và tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thanh T khởi kiện ly hôn với ông Phạm Minh T1. Đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Ông Phạm Minh T1 là bị đơn hiện đang cư trú tại huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Phạm Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Nguyễn Thanh T và ông Phạm Minh T1 tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân Phường H1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 140/P08, quyền số 01/2007 ngày 20 tháng 9 năm 2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T thì trong quá trình chung sống, giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn xảy ra. Vợ chồng không còn yêu thương và quan tâm, chăm sóc cho nhau, cả hai không còn chung sống.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T1 đến Tòa án để tiến hành hòa giải cho hai bên nhưng ông T1 vắng mặt không lý do. Điều đó thể hiện ông T1 không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà T. Mặt khác, bản thân bà T trình bày không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với ông T1, kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông T1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thanh T là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung là Phạm Anh K, sinh ngày 08/5/2008 và Phạm Anh K1, sinh ngày 10/01/2013. Hai con chung hiện nay đang ở cùng bà T và do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi trẻ K, trẻ K1 trưởng thành tròn 18 tuổi. Tại bản tự khai ngày 26/4/2024, trẻ K và trẻ K1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ nếu ba mẹ ly hôn. Do đó, để ổn định tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 trẻ Phạm Anh K và Phạm A Khôi cho bà Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Án phí ly hôn do bà **Nguyễn Thanh T** chịu theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà **Nguyễn Thanh T** và ông **Phạm Minh T1**.

2. Về con chung: Giao con chung **Phạm Anh K**, sinh ngày 08/5/2008 và **Phạm Anh K1**, sinh ngày 10/01/2013 cho bà **Nguyễn Thanh T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Thi hành ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ **K** và trẻ **K1** lần lượt trưởng thành tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **Nguyễn Thanh T** không yêu cầu ông **Phạm Minh T1** cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà **Nguyễn Thanh T** chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008077 ngày 05/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

6. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND Phường ..., quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 140/P08, quyền số 01/2007 ngày 20/9/2007);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)